

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình
Sửa chữa, cải tạo khu ở nội trú trường PTDTBT THCS Phú Thanh,
huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư của Bộ Xây dựng: số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 27/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự toán chi tiết và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp và thiết bị đồ dùng khu ở nội trú cho các trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS thuộc Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 4025/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án Sửa chữa, cải tạo khu ở nội trú trường PTDTBT THCS Phú Thanh, huyện Quan Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 6321/SXD-HĐXD ngày 12/10/2020 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, cải tạo khu ở nội trú trường PTDTBT THCS Phú Thanh, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa; của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 3178/TTr-SGDĐT ngày 02/10/2020 (kèm theo hồ sơ dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, cải tạo khu ở nội trú trường PTDTBT THCS Phú Thanh, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Sửa chữa, cải tạo khu ở nội trú trường PTDTBT THCS Phú Thanh, huyện Quan Hóa.

2. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

3. Chủ đầu tư: Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Phú Thanh, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

5. Quy mô đầu tư:

5.1. Hạng mục: Nhà ở bán trú 07 phòng.

a) Hiện trạng công trình: Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 8,4mx25,2m (tính từ tim đến tim), chiều cao công trình là 6,85m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái), cos 0.00 là cos nền cao hơn cos mặt sân hoàn thiện 0,45m. Chiều cao tầng là 3,9m, mặt bằng bố trí các phòng ở; mái chống nóng cao 2,5m, lợp tôn trên hệ xà gồ+tường thu hồi. Hiện trạng, lớp vữa trát trong và ngoài nhà bong tróc, ẩm mốc; nền lát gạch đã bong tróc, nứt gãy; hệ thống cửa đi, cửa sổ gỗ pano kính đã xuống cấp; hệ thống mái chống nóng lợp tôn đã hư hỏng, xuống cấp; sàn mái nứt nẻ, thấm dột; hệ thống cấp điện, thoát nước hư hỏng, xuống cấp.

b) Giải pháp cải tạo:

- Cạo bỏ lớp vữa trát tường hiện trạng tại một số vị trí, trát mới; đục tẩy mặt sàn mái, vệ sinh, chống thấm, láng lại vữa xi măng tạo dốc thoát nước; sơn lại công trình 01 lớp lót, 02 lớp phủ;

- Phá dỡ nền hiện trạng, đổ bê tông lót và lát lại toàn bộ nền công trình;

- Phần cửa: Cạo bỏ, vệ sinh và sơn lại; thay thế kính bị vỡ; hoa sắt cạo rửa vệ sinh lớp sơn cũ và sơn mới;

- Tháo dỡ, thay thế toàn bộ phần mái tôn đã hư hỏng;

- Sửa chữa, cải tạo hệ thống cấp điện, thoát nước cho công trình.

5.2. Hạng mục: Nhà ở bán trú 03 phòng.

a) Hiện trạng công trình: Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 8,4mx10,8m (tính từ tim đến tim), chiều cao công trình là 6,85m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái), cos 0.00 là cos nền cao hơn cos mặt sân hoàn thiện 0,45m. Chiều cao tầng là 3,9m, mặt bằng bố trí các phòng

ở; mái chống nóng cao 2,5m, lợp tôn trên hệ xà gồ+tường thu hồi. Hiện trạng, lớp vữa trát trong và ngoài nhà bong tróc, ẩm mốc; nền lát gạch đã bong tróc, nứt gãy; hệ thống cửa đi, cửa sổ gỗ pano kính đã xuống cấp; hệ thống mái chống nóng lợp tôn đã hư hỏng, xuống cấp; sàn mái nứt nẻ, thấm dột; hệ thống cấp điện, thoát nước hư hỏng, xuống cấp.

b) Giải pháp cải tạo:

- Cạo bỏ lớp vữa trát tường hiện trạng tại một số vị trí, trát mới; đục tẩy mặt sàn mái, vệ sinh, chống thấm, láng lại vữa xi măng tạo dốc thoát nước; sơn lại công trình 01 lớp lót, 02 lớp phủ;

- Phá dỡ nền hiện trạng, đổ bê tông lót và lát lại toàn bộ nền công trình;

- Phần cửa, lan can: Cạo bỏ, vệ sinh và sơn lại; thay thế kính bị vỡ; lan can và hoa sắt cạo rửa vệ sinh lớp sơn cũ và sơn mới;

- Tháo dỡ, thay thế toàn bộ phần mái tôn đã hư hỏng;

- Sửa chữa, cải tạo hệ thống cấp điện, thoát nước cho công trình.

6. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 598.316.000 đồng; trong đó:

- Chi phí xây dựng: 506.426.000 đồng.

- Chi phí quản lý dự án: 15.109.910 đồng.

- Chi phí tư vấn ĐTXDCT: 56.141.544 đồng.

- Chi phí khác: 8.906.885 đồng.

- Chi phí dự phòng: 11.731.687 đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

7. Nguồn vốn đầu tư: Theo Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự toán chi tiết và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp và thiết bị đồ dùng khu ở nội trú cho các trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS thuộc Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn năm 2020

8. Thời gian thực hiện: Năm 2020.

9. Hình thức thực hiện dự án: Thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c) ;
- PCT UBND tỉnh Phạm Đăng Quyền ;
- PCVP UBND tỉnh Đinh Quang Hưng;
- Lưu: VT, VX.(hongtt)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Đăng Quyền

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Công trình: Sửa chữa, cải tạo khu ở nội trú trường PTDTBT THCS Phú Thanh, huyện Quan Hóa

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền		
				Trước VAT	Thuế VAT	Sau VAT
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	G_{XD}	1+2	460.387.273	46.038.727	506.426.000
1	Nhà nội trú 7 phòng		Theo bảng tổng hợp kinh phí	321.399.091	32.139.909	353.539.000
2	Nhà nội trú 3 phòng		<i>nt</i>	138.988.182	13.898.818	152.887.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	G_{QLDA}	$(G_{XD})^{\text{trước VAT}} \times 3,282\%$	15.109.910		15.109.910
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	G_{TV}	1+...+5	51.037.768	5.103.777	56.141.544
1	Chi phí lập báo cáo KTKT		$(G_{XD})^{\text{trước VAT}} \times 6,500\%$	29.925.173	2.992.517	32.917.690
2	Chi phí thẩm tra thiết kế		Mức tối thiểu	2.000.000	200.000	2.200.000
3	Chi phí thẩm tra dự toán		Mức tối thiểu	2.000.000	200.000	2.200.000
4	Chi phí giám sát thi công XD	G_{GSXD}	$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 3,285\%$	15.123.722	1.512.372	16.636.094
5	Chi phí lập HSMT & đánh giá HSDT xây lắp		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,432\%$	1.988.873	198.887	2.187.760
IV	CHI PHÍ KHÁC	G_K	1+...+5	8.870.054	36.831	8.906.885
1	Lệ phí thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật (Thông tư 209/2016/TT-BTC)		TMĐT x 0,019% x 50%	57.000		57.000
2	Chi phí bảo hiểm công trình (Thông tư 329/2016/TT-BTC)		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,080\%$	368.310	36.831	405.141

3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Thông tư 10/2020/TT-BTC)		TMĐT x 0,570%	3.420.000		3.420.000
4	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (thông tư 04/2019/TT-BXD ngày 16/8/2019		$(G_{GSXD})^{\text{trước VAT}} \times 20\%$	3.024.744		3.024.744
5	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp (Theo NĐ 63)		Mức tối thiểu	2.000.000		2.000.000
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	GDP	$(I+II+III+IV)*2\%$	10.665.170	1.066.517	11.731.687
	TỔNG CỘNG					598.316.027
	LÀM TRÒN					598.316.000